

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI VĂN HẢO
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI VĂN HẢO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 2400964690

3. Ngày thành lập: 06/06/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Yên Sơn, Xã Nghĩa Trung, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0344208421

Fax:

Email: vanhao8421@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Hoàn thiện công trình xây dựng Chi tiết: Lắp đặt, trang trí nội thất	4330
3.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4512
4.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4513
5.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
6.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
7.	Bán mô tô, xe máy (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4541
8.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
9.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
10.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
11.	Bán buôn thực phẩm	4632
12.	Bán buôn đồ uống	4633
13.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
14.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
15.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
16.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
17.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

18.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn các thiết bị máy móc công nghiệp, thiết bị xử lý chất thải	4659
19.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ kinh doanh vàng miếng)	4662
20.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
21.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hoá chất sử dụng trong xử lý môi trường được Nhà nước cho phép - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669
22.	Khai thác gỗ	0220
23.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá mà công ty kinh doanh; dịch vụ hỗ trợ xuất, nhập khẩu hàng hoá	8299
24.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Không bao gồm hoạt động đấu giá	6810
25.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Không bao gồm hoạt động đấu giá	6820
26.	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Tư vấn lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Tư vấn lập hồ sơ thống kê, kiểm kê đất đai; Lập hồ sơ phục vụ công tác: Giải phóng mặt bằng, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường; dịch vụ thông tin đất đai; lập dự án, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.	7020
27.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn giám sát thi công đóng và sửa chữa tàu biển	7110
28.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động chuyển giao công nghệ thi công phương tiện thủy; Dịch vụ kiểm tra không phá hủy kim loại và kết cấu hàn; Dịch vụ tư vấn bảo vệ môi trường	7490
29.	Cho thuê xe có động cơ	7710
30.	Bán buôn tổng hợp (Trừ các mặt hàng nhà nước cấm)	4690
31.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ uống có cồn: Rượu mạnh, rượu vang, bia	4723
32.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
33.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
34.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410

35.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
36.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
37.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
38.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
39.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
40.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
41.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
42.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
43.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh đá mỹ nghệ, đá phong thủy và các sản phẩm từ đá	2396
44.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
45.	Đúc sắt, thép	2431
46.	Đúc kim loại màu	2432
47.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
48.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
49.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
50.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
51.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
52.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
53.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
54.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lều lưu động hoặc tại chợ	4781
55.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
56.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
57.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
58.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
59.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
60.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
61.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
62.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
63.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
64.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
65.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
66.	Bốc xếp hàng hóa	5224
67.	Bưu chính	5310
68.	Chuyển phát	5320

69.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
70.	Cơ sở lưu trú khác	5590
71.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
72.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
73.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
74.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
75.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
76.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
77.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
78.	Đại lý du lịch	7911
79.	Điều hành tua du lịch	7912
80.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
81.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
82.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
83.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
84.	Thu gom rác thải độc hại	3812
85.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
86.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
87.	Tái chế phế liệu	3830
88.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
89.	Xây dựng nhà để ở	4101
90.	Xây dựng nhà không để ở	4102(Chính)
91.	Xây dựng công trình điện	4221
92.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
93.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
94.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
95.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
96.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
97.	Phá dỡ	4311
98.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
99.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
100.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
101.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Mua bán thiết bị nội thất, thiết bị nhà bếp	4752

